



RESULT BRACKETS

RR Rank / Score	BkNOC - Name No	1/8 Elimin. Round	1/4 Elimin. Round	Semifinals	Finals
1/	1973 HCC 新竹市 1A 林昱萱 1B 林詩嘉 1C 譚雅婷 -Bye-		新竹市		
9/	1860 NTC 南投縣 9A 袁淑琪 9B 林筱瑩 9C 陳俞靜				
8/	1872 TCC 臺中市 8A 李伊婷 8B 楊念綉 8C 邱陵莉				
5/	1909 HLH 花蓮縣 5A 張容嘉 5B 連文怡 5C 林明靜				
12/	1668 KLC 基隆市 12A 楊之儀 12B 高于晴 12C 鄒亞晴				
13/	1596 CYH 嘉義縣 13A 方婉婷 13B 汪 敏 13C 劉佳俐				
4/	1921 TPEC 臺北市 4A 熊梅茜 4B 常羽翰 4C 呂岱凌				GOLD
3/	1947 NTPC 新北市 3A 雷千瑩 3B 林芳瑜 3C 胡嘉伶				
14/	1570 TTH 臺東縣 14A 盧念欣 14B 張家榕 14C 黃兆環				
11/	1789 CHH 彰化縣 11A 張香味 11B 曾珈慈 11C 衛中瑩				
6/	1892 TNC 臺南市 6A 柯乃綺 6B 王嘉吟 6C 白依婷				
7/	1891 HCH 新竹縣 7A 黃羽珊 7B 林佳恩 7C 沈筱琇				SILVER
10/	1839 KSHC 高雄市 10A 林芝淪 10B 簡采萍 10C 高瑄徽 -Bye-				
2/	1951 TYC 桃園市 2A 羅筱媛 2B 張心怡 2C 彭家楸		桃園市		BRONZE



RESULTS SUMMARY

Rk	NOC	BackName No	RR Score Rank	1/8	1/4	1/2	Finals
	CHH - 彰化縣	11A 張香味 11B 曾珈慈 11C 衛中瑩	1789 /11	0			
	CYH - 嘉義縣	13A 方婉婷 13B 汪敏 13C 劉佳俐	1596 /13	0			
	HCC - 新竹市	1A 林昱萱 1B 林詩嘉 1C 譚雅婷	1973 /01	-Bye-	0		
	HCH - 新竹縣	7A 黃羽珊 7B 林佳恩 7C 沈筱琄	1891 /07	0			
	HLH - 花蓮縣	5A 張容嘉 5B 連文怡 5C 林明靜	1909 /05	0			
	KLC - 基隆市	12A 楊之儀 12B 高于晴 12C 鄒亞晴	1668 /12	0			
	KSHC - 高雄市	10A 林芝渝 10B 簡采萍 10C 高瑄徽	1839 /10	0			
	NTC - 南投縣	9A 袁叔琪 9B 林筱瑩 9C 陳俞靜	1860 /09	0			
	NTPC - 新北市	3A 雷千瑩 3B 林芳瑜 3C 胡嘉伶	1947 /03	0			
	TCC - 臺中市	8A 李伊婷 8B 楊念綉 8C 邱陵莉	1872 /08	0			
	TNC - 臺南市	6A 柯乃綺 6B 王嘉吟 6C 白依婷	1892 /06	0			
	TPEC - 臺北市	4A 熊梅茜 4B 常羽翰 4C 呂岱凌	1921 /04	0			
	TTH - 臺東縣	14A 盧念欣 14B 張家榕 14C 黃兆環	1570 /14	0			
	TYC - 桃園市	2A 羅筱媛 2B 張心怡 2C 彭家楸	1951 /02	-Bye-	0		